BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÔNG TRÌNH
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC PHƯỜNG: TÂN THỚI HIỆP, TÂN CHÁNH HIỆP, THẠNH LỘC, HIỆP THÀNH, TÂN HƯNG THUẬN, TÂN THỚI NHẤT, TÂN CHÂU, TÂN PHÚ TRUNG, TÂN THÔNG HỘI, TÂN QUY, TÂN PHÚ, TÂN KIỆT, TÂN HIỆP, TÂN LẬP, TÂN ĐÔNG HIỆP, BÌNH TRỊ ĐÔNG, BÌNH TRỊ ĐÔNG A, BÌNH TRỊ ĐÔNG B, BÌNH HƯNG HÒA, BÌNH HƯNG HÒA A, BÌNH HƯNG HÒA B, BÌNH THỚI, BÌNH TÂN, TÂN TẠO, TÂN TẠO A, BÌNH CHÁNH, VĨNH LỘC, VĨNH LỘC A, VĨNH LỘC B, PHẠM VĂN HAI, TÂN BÌNH, TÂN SƠN HÒA, TÂN SƠN NHẤT, TÂN SƠN NHÌ, TÂN HÒA, BÌNH THẠNH, GÒ VẤP, HÒA HƯNG, HÒA BÌNH, CHÁNH HƯNG, BÌNH TIÊN, BÌNH ĐÔNG, BÌNH PHÚ, PHÚ LÂM, PHÚ THỌ HÒA, TÂN PHÚ, TÂN QUÝ, TÂN ĐỨC, TÂN NHỰT, TÂN TÚC, AN LẠC, AN LẠC A, BÌNH TÂN, BÌNH TRỊ ĐÔNG, BÌNH HƯNG HÒA, BÌNH HƯNG, PHONG PHÚ, NHÀ BÈ, PHƯỚC KIỂN, CẦN ĐƯỚC, CẦN GIỜ, TRUNG CHÁNH, TÂN THỚI NHÌ, HÓC MÔN, BÀ ĐIỂM, TÂN XUÂN, XUÂN THỚI ĐÔNG, TRUNG MỸ TÂY, TÂN THỚI HIỆP, THỚI TAM THÔN, TÂN THÔNG HỘI, BẾN CÁT, PHÚ HÒA ĐÔNG, THỚI TRUNG, DĨ AN, TÂN ĐÔNG HIỆP, BÌNH AN, BÌNH CHIỂU, TRUNG MỸ TÂY, TÂN CHÁNH HIỆP, THẠNH XUÂN, THẠNH LỘC, HIỆP THÀNH, THỚI AN, TÂN THỚI HIỆP, LINH XUÂN, BÌNH CHIỂU, TÂN BÌNH, BÌNH LỢI TRUNG, BÌNH THẠNH, AN NHƠN, GÒ VẤP, THÔNG TÂY HỘI, HẠNH THÔNG, AN HỘI ĐÔNG, AN HỘI TÂY, THÔNG TÂY HỘI, ĐẶNG THÚC VỊNH, TÂN XUÂN, TÂN THỚI NHÌ, XUÂN THỚI ĐÔNG, BÀ ĐIỂM, HÓC MÔN, TÂN THỚI NHẤT, TÂN QUY ĐÔNG, TÂN QUY TÂY, TÂN PHONG, TÂN PHÚ, TÂN PHÚ TRUNG, TÂN THÔNG HỘI, PHÚ HỮU, PHƯỚC LONG, TRƯỜNG THẠNH, LONG PHƯỚC, LONG TRƯỜNG, PHƯỚC BÌNH, PHƯỚC TÂN, TRUNG MỸ TÂY, TÂN CHÁNH HIỆP, TÂN HƯNG THUẬN, TÂN THỚI HIỆP

Biểu số 02/CK-DTPT

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH HƯNG YÊN
(Nguồn thu tiền sử dụng đất)

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Công trình/ dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2026	Ghi chú *(XÃ, phường sau sắp xếp)*
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ		**764.402**	
	Công trình/dự án theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND tỉnh		**764.402**	
I	**THÀNH PHỐ HƯNG YÊN (Cũ)**		**112.127**	
1	Xây dựng Trường Tiểu học và THCS Tân Hưng (hạng mục: Nhà lớp học lý thuyết, nhà Hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ thuộc Khối THCS)	3261/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	29.548	Tân Hưng
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT các thôn Viên Tiêu, thôn Trần Phú, xã Tân Hưng	1192/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.979	Tân Hưng
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Quyết Thắng, xã Tân Hưng (Tuyến 1: Từ nhà ông Đồng đến nhà ông Sáng; Tuyến 2: Từ nhà ông Khuê đến ngõ bác Sa; Tuyến 3: Từ nhà ông Tâm đến nhà ông Đức)	1614/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	7.100	Tân Hưng
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Chương (đoạn từ nhà ông Khoái đến Trung Thủy Nông)	1615/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	19.200	Sơn Nam
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông xã Phương Nam (Điểm đầu xóm Hòa Bình giáp đường ĐH.72 đến điểm cuối đình Nể)	2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	15.400	Tân Hưng
6	Nhà luyện tập đa năng Trường THCS Bảo Khê	179/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	5.400	Sơn Nam
7	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng khối tiểu học Trường Tiểu học & THCS xã Phù Cừ	183/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	6.000	Sơn Nam
8	Xây dựng Nhà luyện tập đa năng khối THCS Trường Tiểu học & THCS xã Phù Cừ	182/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	4.500	Sơn Nam
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phù Cừ (Tuyến 1: Từ cổng làng văn hóa Bến Đoanh Chân đến chùa Linh Hoè; Tuyến 2: Từ chùa Linh Huế đến chùa Phúc Lâm; Tuyến 3: Từ nhà ông Khánh đến nhà bà Lanh thôn Tân Trung)	1613/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	16.000	Sơn Nam
10	Xây dựng đường GTNT xã Quảng Châu (Điểm đầu tiếp giáp đường vào lò gạch thôn 1 đi đến trụ sở công An xã điểm cuối tiếp giáp với đường vào lò gạch thôn 2)	3032/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	5.000	Hồng Châu
II	**HUYỆN TIÊN LỮ (Cũ)**		**34.500**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (Đoạn 1: Từ nhà ông Hào Định đến cầu chợ Điền; Đoạn 2: Từ nhà ông Khá đến đồng Bún; Đoạn 3: Từ ĐH.80 đến nhà ông Tâm thôn Điền Đông; Đoạn 4: Từ đường ĐH.92 đến đồn Quan)	2155/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	4.000	Tiên Hoa
2	Xây dựng cầu Đình Làng thôn Mai Xá, xã Cương Chính	2156/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	Tiên Hoa
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Giai Lệ, xã Lê Xá (Đoạn từ ĐH.82 đến khu chăn nuôi tập trung)	2159/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	Tiên Hoa
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phi Xá, xã Lê Xá (Đoạn từ Trạm bơm Lac Đạc đi Công điều tiết T125)	2160/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	Tiên Hoa
5	Xây dựng cầu ông Thủy, thôn Phù Liễu, xã Lê Xá	2161/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	Tiên Hoa
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (đoạn từ đốc Lê Chi đến chợ Xuối)	2162/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	Tiên Lữ
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (đoạn từ ngã ba ông Bản đi đường bối và nhà văn hóa thôn Thụy Đương)	2163/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	4.000	Tiên Lữ
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Lạc Đạc, xã Hải Thắng (Tuyến 1: từ nhà ông Nguyên đến nhà ông Liễu; Tuyến 2: Từ cầu Lạc Đạc đi ĐH.90)	2165/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1.500	Tiên Lữ
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tân Khai, xã Thiện Phiến (đoạn từ HTX mười trồng thuỷ sản đến giáo viên QL.39 tại khoảng Km40+107)	2169/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	10.000	Tiên Lữ
III	**HUYỆN PHỤ CỪ (Cũ)**		**30.000**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nghĩa Vũ, xã Minh Tân (Từ trạm bơm Nghĩa An đến nường ông Đoàn)	1444/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	8.000	Quang Hưng
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trân (đoạn từ nhà ông Mạnh đến nhà ông Công, xóm 2 thôn Vông Phan)	1450/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	2.000	Tổng Trân
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào (Tuyến 1: từ nhà ông Thuận đi nhà ông Miên thôn Long Cầu; Tuyến 2: từ QL.38B đi nhà ông Lưu thôn Đoàn Đào)	1443/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	2.000	Đoàn Đào
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Hoàng (Tuyến 1: từ đường ĐH.86 giáp nhà ông Nguyễn đến ĐH.82 giáp nhà ông Thế thôn Quế Ái; Tuyến 2: từ nhà ông Chiến đến đường ĐH.86)	1451/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	11.000	Đoàn Đào
5	Nhà lớp học 9 phòng, Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ - Trường Tiểu học và THCS Minh Hoàng	1550/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	7.000	Đoàn Đào
IV	**HUYỆN ÂN THI (Cũ)**		**115.540**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đào Dương (đoạn qua thôn Phần Dương)	2732/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	2.000	Phạm Ngũ Lão
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Vũ Dương, xã Hồng Quang	2726/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	2.000	Hồng Quang
3	Xây dựng Trường Mầm non Trung tâm xã Hoàng Hoa Thám	1850/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	22.500	Ân Thi
4	Xây dựng cầu Lưu Xá và cải tạo, nâng cấp đường đầu cầu, xã Hồ Tùng Mậu	2390/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	5.500	Hồng Quang
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồ Tùng Mậu (đoạn của các thôn Mão Cầu, thôn Mão Đông, thôn Lưu Xá, thôn Lạc Vân và thôn Gạo Bắc)	2728/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	19.500	Hồng Quang
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bắc Sơn (đoạn từ nhà ông Đỗ giáp DT.384 đến nhà ông Toàn giáp DT.382)	2733/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	20.000	Phạm Ngũ Lão
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bắc Sơn (Đoạn 1: Từ nhà ông Cường đến nhà bà Mở, thôn Bến Sông; Đoạn 2: Từ đường trục xã đến đường DH.61, thôn An Đỗ)	2734/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	12.000	Phạm Ngũ Lão
8	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cựu Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc	2914b/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	3.000	Nguyễn Trãi
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bãi Sậy (Đoạn từ nhà ông Hạnh lập 12 đến chùa Tiên Kiều)	2733a/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	6.000	Phạm Ngũ Lão
10	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục phụ trợ của Trường THCS Quảng Lãng	2913b/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	1.000	Xuân Trúc
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ủng (Đoạn của các thôn Lai Mát, thôn Đồng Mái, thôn Kim Lũ, thôn Hồng Lương và thôn Lạc Sung)	2729/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	9.550	Phạm Ngũ Lão
12	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Bình Xá, thôn Yên Xá và thôn Lã Xá , xã Cẩm Ninh	2728/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	12.490	Nguyễn Trãi
V	**HUYỆN KIM ĐỘNG (Cũ)**		**64.200**	
1	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Vĩnh Tiến; xây dựng các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Thanh Sơn và thôn Công Luận	242/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	2.000	Nghĩa Dân
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ ĐH.74 đến ĐH.73)	1264/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	15.500	Nghĩa Dân
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Song Mai (đoạn từ Trạm bơm thôn Mai Xá đến nhà ông Doanh thôn Mai Viên)	194/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	6.700	Hiệp Cường
4	Xây dựng cầu Thanh Xuân, xã Song Mai	237/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	5.000	Hiệp Cường
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Phương Tông, xã Hùng An (đoạn từ ĐH.73 đến đường gom bê tông chân đê DT.378)	282/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	3.000	Hiệp Cường
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hùng An (Tuyến 1, từ nhà Anh Kiển Lai Ha đến ĐH.73 thuộc địa phận thôn Phương Tông; Tuyến 2, từ nhà bà Thân đến nhà ông Tạo thôn Ninh Phúc)	280/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	3.000	Hiệp Cường
7	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Chính Nghĩa	1263/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	19.000	Lương Bằng
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT của thôn Ta Ha và thôn Đường Phù, xã Chính Nghĩa	1260/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	10.000	Lương Bằng
VI	**HUYỆN KHOÁI CHÂU (Cũ)**		**93.500**	
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Đông Ninh	3326/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	6.500	Châu Ninh
2	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Đại Tập	3327/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	8.500	Châu Ninh
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Tập (Đoạn 1: từ nhà ông Thạch đến ĐH.51; đoạn 2: từ nhà ông Quang đến ĐH.55)	4031/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	8.500	Châu Ninh
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phạm Hồng Thái (đoạn 1: từ Trụ sở công an xã đến nghĩa trang; đoạn 2: từ cống Bà Đặng đến mương Ông Hải)	659/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	2.000	Triệu Việt Vương
5	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Hàm Tử, xã Phạm Hồng Thái	684/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	2.500	Triệu Việt Vương
6	Nhà lớp học và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Đa Trách, xã Phạm Hồng Thái	685/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	5.000	Triệu Việt Vương
7	Nhà lớp học 3 tầng khối Tiểu học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Chi Tân	324/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	2.000	Chi Minh
8	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường, thoát nước thôn An Lạc, xã Đồng Tiến (của nhà Văn Điệu đến nhà Hoàng Hiếu)	252a/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	2.000	Việt Tiến
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Châu (Đoạn 1 từ nhà văn hoá Mãn Hoà đến nhà ông Hà; đoạn 2 từ nhà ông Sỹ Bàng đến đường ĐH.52)	3432/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	8.000	Châu Ninh
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Châu (Đoạn 1: từ nhà Thủy Kiên đến nhà ông Hường; Đoạn 2: từ nhà ông Huỳnh đến nhà ông Thăng; Đoạn 3: từ nhà ông Thà đến nhà ông Lanh)	3431/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	5.000	Châu Ninh
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Bình Minh (Đoạn 1, từ nhà ông Nga Mến đến đốc Bà Tục; Đoạn 2, từ nhà ông Quảng lên đường DT.378; Đoạn 3, từ nhà ông Hòa thôn Đa Hòa đến cầu xóm 6)	101a/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	10.000	Mễ Sở
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Bình Minh (Đoạn 1, từ đốc Phan đến đốc Thiết; Đoạn 2, từ đường DT.382 đến nhà ông Viên thôn Đa Hòa và các đoạn nhánh)	101b/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	15.000	Mễ Sở
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn (đoạn từ ngã tư đầu làng thôn Trung Châu đi đường trục xóm 12), xã Đoàn Kết	364/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	3.000	Khoái Châu
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (đoạn 1: từ Cầu máng kênh Đông thôn Kim Quan đến giáp xã Việt Hòa; đoạn 2: từ cổng làng thôn Ngọc Nhu Thượng đến Nghĩa Trung)	402/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	5.000	Khoái Châu
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Nguyễn Huệ (đoạn từ Sân bóng thôn Quan Xuyên đi xã Thuần Hưng)	204/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	1.500	Chi Minh
16	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Liên Khê	204/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	4.500	Khoái Châu
17	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Liên Khê	205/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	4.500	Khoái Châu
VII	**HUYỆN YÊN MỸ (Cũ)**		**91.440**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tân Minh (đoạn từ DT.382 đến xóm Chùa, xóm Đạo thôn Tử Dương, xã Tân Minh)	2363/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	7.000	Yên Mỹ
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoan Ái, xã Tân Minh	1290/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	16.500	Yên Mỹ
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thanh Long (tuyến thôn Thụy Lân và thôn Long Vỹ)	1481/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	20.000	Việt Yên
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Xuân Tào, xã Trung Hòa (Đoạn 1: từ nhà ông Đăng đến nhà ông Hoạt và Đoạn 2: từ nhà bà Xoa đến nhà ông Cam)	2409/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	3.000	Yên Mỹ
5	Cải tạo Nhà văn hóa và hạng mục phụ trợ thôn Ngọc Tính, xã Ngọc Long	952/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	7.000	Nguyễn Văn Linh
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hào, xã Liêu Xá (từ DT.380 ra QL.39A và ĐH.34)	953/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	8.940	Nguyễn Văn Linh
7	Xây dựng đường GTNT xã Liêu Xá (Đường quanh hồ thôn Liêu Trung, xã Liêu Xá)	955/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	22.000	Nguyễn Văn Linh
8	Xây dựng Nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Liêu Xá (Điểm trường thôn Hào, thôn Liêu Trung)	954/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	7.000	Nguyễn Văn Linh
VIII	**THỊ XÃ MỸ HÀO (Cũ)**		**96.095**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT và kè hồ Vân Dương, thôn Vân Dương, xã Hòa Phong, thị xã Mỹ Hào	1630/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	17.200	Thượng Hồng
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hòa Đam, Hòa Lạc và Thuần Mỹ, xã Hòa Phong	1610/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	15.000	Thượng Hồng
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn thôn Xuân Bản và Xuân Nhân, xã Xuân Đạc	177/QĐ-UBND ngày 12/9/2025	23.895	Đường Hào
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn thôn Xuân Đào, xã Xuân Đạc	178/QĐ-UBND ngày 12/9/2025	22.000	Đường Hào
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá (tuyến 1 từ cầu Mương đến cầu Sông, tuyến 2 từ nhà văn hóa thôn Tiên Xá 1 đến đường trục xã)	1609/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	18.000	Mỹ Hào
IX	**HUYỆN VĂN LÂM (Cũ)**		**82.000**	
1	Xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Đoan Khê, xã Lạc Đạo	174/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	6.500	Lạc Đạo
2	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Bình Minh, thôn Quang Trung và thôn Hồng Cầu, xã Lạc Hồng	305A/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	5.000	Như Quỳnh
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phạm Kham, Hồng Thái và Nhạc Miễu, xã Lạc Hồng	366/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	6.800	Như Quỳnh
4	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Lạc Hồng, xã Lạc Hồng	320A/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	2.000	Như Quỳnh
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cổng ty Chân Hưng đến cầu Ngọc Lịch, xã Trung Trắc	243/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	6.500	Như Quỳnh
6	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường (Tuyến số 1: từ ngã tư nhà ông Tứ đến ĐH.10 thôn Nhạc Lộc; Tuyến số 2: từ nhà ông bà Quý Yến đến nhà ông Trần và tuyến số 03: từ đường từ ĐH.10 đến QL5A, thôn Trai Tiếc), xã Trung Trắc	244/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	2.700	Như Quỳnh
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Chi Đạo (đoạn từ thôn Trình Xá đến thôn Cát Lư)	180/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	2.000	Lạc Đạo
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mễ Dậu, xã Việt Hưng (đoạn từ cổng làng đến tiếp giáp xã Lương Tài và một số tuyến đường nhánh)	887/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	12.000	Đại Đồng
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đồng Chung, xã Việt Hưng (đoạn từ ĐH.16 đến nhà anh Duân và một số đường nhánh)	886/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	16.000	Đại Đồng
10	Nhà văn hóa thôn Xuân Phao (Xuân Đồng), xã Đại Đồng	140/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	5.000	Đại Đồng
11	Xây dựng Nhà làm việc Trạm y tế xã Đại Đồng	84/QĐ-UBND ngày 15/9/2025	3.000	Đại Đồng
12	Nhà lớp học 4 tầng 24 phòng học Trường THCS Đại Đồng	83/QĐ-UBND ngày 15/9/2025	14.500	Đại Đồng
X	**HUYỆN VĂN GIANG (cũ)**		**45.000**	
1	Cải tạo đường GTNT và hệ thống chiếu sáng thôn Phù Thị, Đồng Quế, xã Mễ Sở	1901/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	20.000	Mễ Sở
2	Cải tạo đường GTNT và hệ thống chiếu sáng thôn Hoàng Trạch, Mễ Sở, Nhan Thập, xã Mễ Sở	1902/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	20.000	Mễ Sở
3	Cải tạo đường GTNT và hệ thống chiếu sáng thôn Phù Trạch, xã Mễ Sở	1903/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	5.000	Mễ Sở

Ghi chú: Giao chủ đầu tư *(UBND cấp xã sau khi sắp xếp, sáp nhập hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã tiếp tục làm chủ đầu tư)* chịu trách nhiệm triển khai đầu tư xây dựng công trình/dự án; quản lý, sử dụng, thanh quyết toán công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành; các sở, ngành và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn các chủ đầu tư triển khai thực hiện (nếu có vướng mắc phát sinh).

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2026 CỦA CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2026		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	**10.229.500**	**10.229.500**	
1	Phường Phố Hiến	136.000	136.000	
2	Phường Sơn Nam	68.000	68.000	
3	Phường Hồng Châu	68.000	68.000	
4	Phường Mỹ Hào	704.000	704.000	
5	Phường Đường Hào	136.000	136.000	
6	Phường Thượng Hồng	204.000	204.000	
7	Xã Tân Hưng	34.000	34.000	
8	Xã Hoàng Hoa Thám	81.600	81.600	
9	Xã Tiên Lữ	54.400	54.400	
10	Xã Tiên Hoa	6.800	6.800	
11	Xã Quang Hưng	156.400	156.400	
12	Xã Đoàn Đào	108.800	108.800	
13	Xã Tiên Tiến	81.600	81.600	
14	Xã Tống Trân	54.400	54.400	
15	Xã Lương Bằng	68.000	68.000	
16	Xã Nghĩa Dân	68.000	68.000	
17	Xã Hiệp Cường	68.000	68.000	
18	Xã Đức Hợp	34.000	34.000	
19	Xã Ân Thi	204.000	204.000	
20	Xã Xuân Trúc	170.000	170.000	
21	Xã Phạm Ngũ Lão	102.000	102.000	
22	Xã Nguyễn Trãi	176.800	176.800	
23	Xã Hồng Quang	108.800	108.800	
24	Xã Khoái Châu	95.200	95.200	
25	Xã Triệu Việt Vương	224.400	224.400	
26	Xã Việt Tiến	527.200	527.200	
27	Xã Chí Minh	20.400	20.400	
28	Xã Châu Ninh	68.000	68.000	
29	Xã Yên Mỹ	569.500	569.500	
30	Xã Việt Yên	156.400	156.400	
31	Xã Hoàn Long	190.400	190.400	
32	Xã Nguyễn Văn Linh	498.100	498.100	
33	Xã Như Quỳnh	204.000	204.000	
34	Xã Lạc Đạo	68.000	68.000	
35	Xã Đại Đồng	340.000	340.000	
36	Xã Nghĩa Trụ	221.850	221.850	
37	Xã Phụng Công	20.400	20.400	
38	Xã Văn Giang	323.000	323.000	
39	Xã Mễ Sở	74.800	74.800	
40	Xã Hưng Hà	88.400	88.400	
41	Xã Hồng Minh	6.800	6.800	
42	Xã Lê Quý Đôn	104.975	104.975	
43	Xã Ngự Thiên	6.800	6.800	
44	Xã Tiên La	6.800	6.800	
45	Xã Thần Khê	6.800	6.800	
46	Xã Diên Hà	10.200	10.200	
47	Xã Long Hưng	10.200	10.200	
48	Xã Kiến Xương	61.200	61.200	
49	Xã Trà Giang	6.800	6.800	
50	Xã Đông Hưng	102.000	102.000	
51	Xã Nam Tiên Hưng	6.800	6.800	
52	Xã Tiên Hưng	6.800	6.800	
53	Xã Bắc Tiên Hưng	34.000	34.000	
54	Xã Đông Tiên Hưng	16.320	16.320	
55	Xã Nam Đông Hưng	23.800	23.800	
56	Xã Bắc Đông Hưng	27.880	27.880	
57	Xã Bắc Đông Quan	6.800	6.800	
58	Xã Đông Quan	13.600	13.600	
59	Xã Quang Lịch	6.800	6.800	
60	Xã Hồng Vũ	6.800	6.800	
61	Xã Quỳnh Phụ	357.850	357.850	
62	Xã Minh Thọ	6.800	6.800	
63	Xã Nguyễn Du	6.800	6.800	
64	Xã Quỳnh An	6.800	6.800	
65	Xã Ngọc Lâm	6.800	6.800	
66	Xã Đồng Bằng	6.800	6.800	
67	Xã A Sào	88.400	88.400	
68	Xã Phụ Dực	101.575	101.575	
69	Xã Tân Tiến	6.800	6.800	
70	Xã Lê Lợi	6.800	6.800	
71	Xã Thái Thuỵ	18.360	18.360	
72	Xã Thuỵ Anh	37.400	37.400	
73	Xã Đông Thuỵ Anh	12.240	12.240	
74	Xã Tây Thuỵ Anh	27.200	27.200	
75	Xã Nam Thuỵ Anh	6.800	6.800	
76	Xã Bắc Thuỵ Anh	27.200	27.200	
77	Xã Thái Ninh	20.400	20.400	
78	Xã Đông Thái Ninh	23.800	23.800	
79	Xã Tây Thái Ninh	6.800	6.800	
80	Xã Nam Thái Ninh	6.800	6.800	
81	Xã Bắc Thái Ninh	17.000	17.000	
82	Xã Bình Thanh	6.800	6.800	
83	Xã Bình Nguyên	6.800	6.800	
84	Xã Tiền Hải	345.950	345.950	
85	Xã Tây Tiền Hải	6.800	6.800	
86	Xã Ái Quốc	68.000	68.000	
87	Xã Đồng Châu	34.000	34.000	
88	Xã Đông Tiền Hải	13.600	13.600	
89	Xã Nam Cường	34.000	34.000	
90	Xã Hưng Phú	554.400	554.400	
91	Xã Nam Tiền Hải	6.800	6.800	
92	Xã Vũ Quý	20.400	20.400	
93	Xã Thư Vũ	2.040	2.040	
94	Xã Thư Trì	4.760	4.760	
95	Xã Tân Thuận	20.400	20.400	
96	Xã Vũ Tiên	27.200	27.200	
97	Xã Vạn Xuân	44.200	44.200	
98	Xã Vũ Thư	37.400	37.400	
99	Xã Bình Định	6.800	6.800	
100	Phường Thái Bình	545.700	545.700	
101	Phường Trần Lãm	238.000	238.000	
102	Phường Trần Hưng Đạo	227.800	227.800	
103	Phường Vũ Phúc	115.600	115.600	
104	Phường Trà Lý	6.800	6.800	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC NĂM 2026 TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 năm 2025 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	KH vốn năm 2026		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó NSTW	
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ		**1.431.984**	**475.000**	
I	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI**		**1.431.984**	**475.000**	
a	**Dự án chuyển tiếp**				
1	Dự án xây dựng ĐT.382B nhánh phải (Km0+00 - Km14+420 giao với QL39)	2736/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 1896/QĐ-UBND ngày 20/11/2025	94.297	37.313	Gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án
2	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 – Vùng thủ đô Hà Nội	1239/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	120	120	
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức PPP	1799/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.337.567	437.567	

Biểu số 05/CK-ĐTPT

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2026 TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NSTW 2026		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ		**54.700**	**54.700**	
	Dự án chuyển tiếp				
1	Dự án Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình giai đoạn 2020-2023	381/QĐ-TTg ngày 16/3/2020; 643/QĐ-UBND ngày 26/02/2021	31.033	31.033	
2	Bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển khu vực Đồng bằng sông Hồng thực hiện tại tỉnh Thái Bình	1255/QĐ-TTg ngày 15/8/2020 613/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	23.667	23.667	

Biểu số 06/CK-ĐTPT

KẾ HOẠCH VỐN PHÂN BỔ CHO NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026
(Nguồn thu tiền sử dụng đất)

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú
		Tổng số		
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	**11.350**	**11.350**	
1	Công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính	11.350	11.350	